

**CÔNG TY TNHH KINH DOANH DỊCH VỤ VẬN TẢI THÀNH HƯNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH DỊCH VỤ VẬN TẢI THÀNH HƯNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH HUNG TRANSPORT SERVICE BUSINESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANH HUNG TRANSPORT SERVICE BUSINESS CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109845774

**3. Ngày thành lập:** 06/12/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 30 ngõ 259 phố Vọng , Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466733733

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4512     |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4513     |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4520     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4530     |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>(loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4541     |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4542     |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4543     |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610     |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; | 4649     |
| 11. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4651     |
| 12. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                             | 4659        |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh ; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại    | 4669        |
| 15. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                            | 2591        |
| 16. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                | 2592        |
| 17. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                                             | 4921        |
| 18. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                                                                    | 4922        |
| 19. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                                                                                                   | 4929        |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4931        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định                                                                  | 4932        |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô<br><br>- Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, hàng hóa thông thường khác;<br>- Hoạt động chuyển đồ đặc; - Cho thuê xe tải có người lái;          | 4933(Chính) |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                      | 5210        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                    | 5221        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                   | 5222        |
| 26. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                            | 5224        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động điều hành bến xe; Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ; Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ;                   | 5225        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Logistics; Hoạt động của đại lý bán vé máy bay;                                                                                                                            | 5229        |
| 29. | Bưu chính                                                                                                                                                                                                                                   | 5310        |
| 30. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                                                 | 5320        |
| 31. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                      | 3311        |
| 32. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                  | 3312        |
| 33. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                      | 3313        |

|     |                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                    | 3314 |
| 35. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) | 3315 |
| 36. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                   | 3320 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TUẤN Giới tính: Nam  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 09/08/1996 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026096001578  
 Ngày cấp: 18/11/2019 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội  
 Địa chỉ thường trú: Số 173 đường Nguyễn Trãi, Tổ 6, Phường Hùng Vương, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: Số 173 đường Nguyễn Trãi, Tổ 6, Phường Hùng Vương, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội